

Bản án số: 29/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Trần Thị Lệ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Kiều O, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5 ấp B, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 224/34 đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Kiều O trình bày:

Bà và ông Trần Văn T tự quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã T1, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/02/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 5 ấp B, xã T, huyện A; từ thời gian đầu cuộc sống vợ chồng đã không được hạnh phúc; ông T thường xuyên bỏ nhà đi và không quan tâm đến cuộc sống của hai mẹ con bà; không phụ giúp kinh tế gia

đình, việc chăm sóc nuôi dưỡng con đều do một mình bà đảm nhận. Vào năm 2021 bà đã từng nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn để cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Hiện tại bà và ông T đã sống ly thân được hơn 01 năm. Bà nhận thấy bản thân không tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là Trần Tuyết N, sinh ngày 09/4/2012; hiện tại bà là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà O xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 31/3/2022 bị đơn là ông Trần Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà O về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản, nợ chung. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn với bà O vì theo ông cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì là trầm trọng; do ông bị thất nghiệp không có thu nhập nên vợ chồng mới không hòa thuận.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O thì ông không có ý kiến gì về vấn đề giao con cho ai nuôi, tùy Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Đặng Kiều O yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trần Văn T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn T là bị đơn cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản

2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt **ông T**.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Kiều O và ông Trần Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã T1, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/02/2013, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà O xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và bà không còn tình cảm với ông T nên muốn chấm dứt hôn nhân. Về phía ông T có ý kiến ghi nhận tại Biên bản hòa giải ngày 31/3/2022 là không đồng ý ly hôn vì theo ông cuộc sống vợ chồng không mâu thuẫn trầm trọng.

Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện trong hôn nhân gia đình là rất quan trọng, điều này là yếu tố quyết định cuộc hôn nhân có bền vững và hạnh phúc hay không; nếu một bên không đồng ý tiếp tục hôn nhân thì đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay qua hòa giải, động viên bà O vẫn kiên quyết ly hôn với ông T, do đó dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà O được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà O và ông T thống nhất xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung là Trần Tuyết N, sinh ngày 09/4/2012. Bà O có yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu ông T cấp dưỡng; đối với ông T không có ý kiến về việc nuôi con.

Qua xem xét nguyện vọng của cháu N là muốn được sống cùng với mẹ; bà O cũng là người trực tiếp chăm sóc con từ trước đến nay; Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu N cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà O không có yêu cầu.

Bà O cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **ông T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp **ông T** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **bà O** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **ông T**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà O và ông T thống nhất xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn **bà O** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, **81, 82, 83, 84** của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đặng Kiều O được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tuyết N, sinh ngày 09/4/2012 cho bà Đặng Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà O cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **ông T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp **ông T** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **bà O** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **ông T**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Kiều O phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002116 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, **bà O** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND Tp Rạch Giá;
- THA DS Tp Rạch Giá;
- **UBND xã T1, huyện A;**
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm